



BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ
TUYÊN ĐƯỜNG PHÁP VÂN - CẦU GIỄ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BTC ngày 07/4/2015 của Bộ Tài chính)

1. Mức thu vé lượt

Đơn vị: đồng/vé/lượt

Số TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Đoạn tuyến								
		Pháp Vân - Thường Tín và ngược lại	Pháp Vân - Vạn Điểm và ngược lại	Pháp Vân - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Thường Tín - Vạn Điểm và ngược lại	Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Vạn Điểm - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Vạn Điểm - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	15.000	35.000	45.000	45.000	15.000	30.000	30.000	10.000	10.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	25.000	50.000	60.000	60.000	25.000	45.000	40.000	20.000	15.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	30.000	65.000	75.000	75.000	35.000	60.000	55.000	25.000	20.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	40.000	80.000	115.000	110.000	40.000	75.000	70.000	30.000	25.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	65.000	130.000	180.000	175.000	70.000	120.000	110.000	50.000	40.000

2. Mức thu vé tháng

Đơn vị: đồng/vé/tháng

Số TT	Phương tiện chịu phí đường bộ	Đoạn tuyến								
		Pháp Vân - Thường Tín và ngược lại	Pháp Vân - Vạn Điểm và ngược lại	Pháp Vân - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Thường Tín - Vạn Điểm và ngược lại	Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Vạn Điểm - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Vạn Điểm - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	450.000	1.050.000	1.350.000	1.350.000	450.000	900.000	900.000	300.000	300.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	750.000	1.500.000	1.800.000	1.800.000	750.000	1.350.000	1.200.000	600.000	450.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	900.000	1.950.000	2.250.000	2.250.000	1.050.000	1.800.000	1.650.000	750.000	600.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	1.200.000	2.400.000	3.450.000	3.300.000	1.200.000	2.250.000	2.100.000	900.000	750.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	1.950.000	3.900.000	5.400.000	5.250.000	2.100.000	3.600.000	3.300.000	1.500.000	1.200.000

3. Mức thu vé quý

Đơn vị: đồng/vé/quý

Số T T	Phương tiện chịu phí đường bộ	Đoạn tuyến								
		Pháp Vân - Thường Tín và ngược lại	Pháp Vân - Vạn Điểm và ngược lại	Pháp Vân - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Thường Tín - Vạn Điểm và ngược lại	Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Vạn Điểm - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Vạn Điểm - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	1.215.000	2.835.000	3.645.000	3.645.000	1.215.000	2.430.000	2.430.000	810.000	810.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	2.025.000	4.050.000	4.860.000	4.860.000	2.025.000	3.645.000	3.240.000	1.620.000	1.215.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	2.430.000	5.265.000	6.075.000	6.075.000	2.835.000	4.860.000	4.455.000	2.025.000	1.620.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	3.240.000	6.480.000	9.315.000	8.910.000	3.240.000	6.075.000	5.670.000	2.430.000	2.025.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	5.265.000	10.530.000	14.580.000	14.175.000	5.670.000	9.720.000	8.910.000	4.050.000	3.240.000

Ghi chú:

- Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Pháp Vân - Vạn Điểm được sử dụng tại các Trạm thu phí của dự án trên đoạn Pháp Vân - Vạn Điểm (bao gồm cả các Trạm tại nút giao Thường Tín);

- Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình được sử dụng tại các Trạm thu phí của dự án trên đoạn Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (bao gồm cả các Trạm tại nút giao Vạn Điểm và nút giao Thường Tín);
 - Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình được sử dụng tại các Trạm thu phí của dự án trên đoạn Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (bao gồm cả các Trạm tại nút giao Vạn Điểm);
 - Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam được sử dụng tại các Trạm thu phí của dự án trên đoạn Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam (bao gồm cả các Trạm tại nút giao Vạn Điểm và Trạm tại Km 212+200, Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình);
 - Xe có vé tháng, vé quý của đoạn tuyến Pháp Vân - Cầu Giẽ - Hà Nam được sử dụng tại tất cả các Trạm thu phí của dự án.
 - Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế (trọng tải hàng hóa), căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký xe do cơ quan có thẩm quyền cấp.
 - Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo moóc chuyên dùng): Áp dụng mức thu theo trọng lượng toàn bộ của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng./.
-